TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2026/DS-PT
Ngày: 11-3-2026
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 423/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/DS-ST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

**** Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà H***:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989 *(có mặt).*

Thường trú: Khu vực VII, phường N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Cao Dương H1, sinh năm 2000 *(có mặt).*

Địa chỉ: Khóm V, V, tỉnh An Giang.

***2. Bị đơn*:**

2.2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967 *(có mặt).*

2.2. Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1978 *(vắng mặt).*

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. *(mặt).*

Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn bà Phạm Thị H - ông Hồ Văn P, ông Cao Dương H1 thống nhất trình bày:

Nguyên trước đây do có quen biết làm ăn với nhau nên nguyên đơn bà Phạm Thị H cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1 vay tiền nhiều lần, lãi suất thoả thuận 02%/tháng, thời hạn vay: Không xác định, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 08/12/2017, bà H có cho vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 08/12/2017.

Lần thứ hai: Vào ngày 22/4/2018 âm lịch (ngày 05/6/2018 dương lịch), vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 1.500.000.000đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 22/4/2018 âm lịch.

Lần thứ ba: Vào ngày 04/4/2019, vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 04/4/2019.

Lần thứ tư: Vào ngày 04/5/2019, vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 04/5/2019.

Lần thứ năm: Vào ngày 13/5/2019, vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 500.000.000 đồng), hai bên lập Biên nhận ngày 13/5/2019.

Lần thứ sáu: Vào ngày 24/8/2019, vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 24/8/2019.

Lần thứ bảy: Vào ngày 16/02/2020, vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 16/02/2020.

Lần thứ tám: Vào ngày 08/10/2022 âm lịch (ngày 01/11/2022 dương lịch) vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền: 50.000.000 đồng, hai bên lập Biên nhận ngày 08/10/2022 âm lịch.

Từ khi vay cho đến nay, nguyên đơn bà H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả

nợ nhưng phía bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 luôn tìm cách tránh né và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận. Hành vi không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Thanh T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 6.945.319.166 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 6.050.0000 đồng và nợ lãi là 895.319.166 đồng.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1 - Bà Bồ Thị V trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2023, bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 có vay tiền nhiều lần của bà H với tổng số tiền là 6.050.000.000 đồng, lãi suất vay là 4,5%/tháng (vay từ năm 2017 đến năm 2018) và 07%/tháng (vay từ năm 2019 đến năm 2022), thời hạn vay: không xác định, mục đích vay: Phục vụ kinh doanh mua bán. Quá trình vay, vợ chồng ông T, bà T1 đã trả cho bà H nhiều lần, cụ thể: Lần 1 (năm 2017): trả số tiền 1.500.000.000 đồng: Lần 2 (năm 2018): trả 1.500.000.000 đồng, sau đó trả thêm một khoản tiền nợ gốc còn lại (không xác định được cụ thể) và trả số tiền lãi theo thoả thuận. Như , tổng số tiền nợ gốc, vợ chồng ông T đã trả gần đủ và số nợ gốc còn lại yêu cầu bà H xoá nợ nhưng bà H không đồng ý.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phía bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 xác định đã thanh toán số nợ gốc (gần đủ) và lãi suất theo thoả thuận nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành B trình bày:

Bà Phạm Thị H (vợ ông Bỉ) có đơn khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông T và bà T1 có trách nhiệm trả số tiền là 9.652.172.333 đồng (trong đó: Nợ gốc là 6.050.000.000 đồng và nợ lãi là 3.602.172.333 đồng) do phía bị đơn đã mượn nợ nhiều lần mà không trả. Việc mượn nợ nêu trên giữa bà H với phía vợ chồng ông T, bà T1 thì ông B không biết cũng như không có liên quan và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc đòi nợ đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền là 6.915.319.499

đồng *(sáu tỷ, chín trăm mười lăm triệu, ba trăm mười chín nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng).* Trong đó: Nợ gốc là 6.050.000.000 đồng và nợ lãi là 865.319.499 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2025: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Thanh T1 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Bị đơn cho rằng đã chuyển lãi và trả tiền mặt cho nguyên đơn rất nhiều lần, phần nợ gốc mang xuống nhà giao cho bà H nhưng bà H không chịu xé biên nhận nên bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên bị đơn chấp nhận đối với phần nợ gốc. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn rất nhiều lần, xuống giao tại nhà, cửa hàng của bà H, nhưng vì số tiền lãi quá cao nên bà H không chịu ký biên nhận cho bị đơn. Vì đang phải nợ và nhờ vả nguyên đơn nên bị đơn chấp nhận không biên nhận nữa. Theo ủy nhiệm chi tại Ngân hàng, bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng số tiền là 3.476.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm tính cho bị đơn số tiền là 3.144.000.000 đồng là thiệt thòi cho bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm toàn bộ phần lãi cho bị đơn.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Đối với phần tiền nợ gốc bị đơn đã thừa nhận nên nguyên đơn không trình bày thêm. Đối với phần tiền lãi trong các ủy nhiệm chi mà bị đơn vừa nêu có hai ủy nhiệm chi ngày 28/11/2019 và ngày 13/7/2020 là ủy nhiệm chi để trả tiền gạo chứ không phải trả lãi. Tuy nhiên, qua trao đổi với nguyên đơn, nguyên đơn đã tự nguyện giảm lãi cho bị đơn số tiền là 115.319.000 đồng. Do đó, đề hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm có ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm một phần tiền lãi cho bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ông B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Bỉ là phù hợp. Đối với bà Lê Thanh T1 là bị đơn có kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không tham dự phiên tòa nên đề Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo của bà T1.

- *Về nội giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài

liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự về phần lãi nguyên đơn đã giảm được một phần là 115.319.000 đồng cho bị đơn, đối với các ủy nhiệm chi cấp sơ thẩm có tính thiếu số tiền mà bị đơn đã đóng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh phần tiền lãi cho phù hợp với thực tế bị đơn đã đóng và phần giảm lãi của nguyên đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Thanh T1 và Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự trên.

[1.3] Xét về sự vắng mặt của bị đơn Lê Thị Thanh T1 là người có kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn Lê Thị Thanh T1.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T không đồng ý với bản án sơ thẩm với những lý do về phần lãi đã trả mức lãi quá cao, trả nhiều lần nên đề nghị xem xét không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Đối với phần gốc đã thanh toán nhưng không chứng minh được nên chỉ đồng ý trả phần tiền nợ gốc.

[2.1] Xét về nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án qua lời thừa nhận của bị đơn cũng như các biên nhận mà nguyên đơn cung cấp thì xác định được, bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 có vay của bà H số tiền 6.050.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thống nhất phần nợ gốc và đồng ý trả nợ gốc. Như vậy, lời thừa nhận của phía bị đơn ông T, bà T1 phù hợp với các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và thuộc trường hợp sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định

tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 6.050.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với phần lãi: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phúc thẩm, các bên đều thừa nhận là việc vay tiền có tính lãi suất. Theo nguyên đơn xác định, lãi suất cho vay đối với số tiền là 02%/tháng. Bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 xác định lãi suất các bên thoả thuận là 4,5%/tháng (từ năm 2017 đến năm 2018) và 07%/tháng (từ năm 2019 đến năm 2022). Như vậy, lời thừa nhận của các đương sự có cơ sở xác định việc vay tiền giữa các bên là có thoả thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất như sau:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. …"

Các bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng vượt quá 20%/năm theo quy định. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà H yêu cầu phía bị đơn trả lãi suất là 0,83%/tháng nên cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định. Thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo ngày các biên nhận nợ ngày 08/12/2017; ngày 22/4/2018 âm lịch (ngày 05/6/2018 dương lịch): ngày 04/4/2019; ngày 04/5/2019; ngày 13/5/2019; ngày 24/8/2019; ngày 16/02/2020; ngày 08/10/2022 âm lịch (ngày 01/11/2022 dương lịch) cho đến ngày 11/8/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là phù hợp. Tổng số tiền lãi tương đương với các biên nhận nợ về thời gian và số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.039.319.166 đồng là đúng quy định.

[2.3] Đối với khoản tiền đã thanh toán lãi: Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn dựa trên bản sao kê giao dịch qua ngân hàng xác định bị đơn đã thanh toán lãi cho nguyên đơn là 3.144.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đối chiếu với danh sách nội dung sao kê của Ngân hàng B2 từ (40-67) thì tổng số tiền mà bị đơn chuyển cho nguyên đơn thông qua tài khoản số 102000718656 đứng tên chủ tài khoản là Phạm Thị H thì tổng số tiền ông T1 đã chuyển là 3.476.500.000 đồng, trừ 2 ủy nhiệm chi ngày 28/10/2019 số tiền 82.500.000 đồng và ủy nhiệm chi ngày 13/7/2020 số tiền 175.000.000 đồng được xác định là chuyển tiền gạo nên số tiền còn lại được tính là bị đơn đã trả lãi là 3.219.000.000 đồng. Do đó, đối với phần trả lãi cấp sơ thẩm xác định chưa đúng nên cần điều chỉnh lại. Số tiền lãi bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn theo các bản sao kê ngân hàng cung cấp là 3.219.000.000 đồng, số tiền lãi bị đơn phải trả là 4.039.319.166 đồng. Như vậy bị đơn còn chưa thanh toán khoản lãi cho nguyên đơn là (4.039.319.166 đồng - 3.219.000.000

đồng) = 820.319.166 đồng mà không phải là số tiền 865.319.499 đồng như cấp sơ thẩm nhận định. Tại phiên tòa phía đại diện nguyên đơn tự nguyện giảm lãi cho bị đơn số tiền 115.319.000 đồng nên bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn số tiền lãi là 705.000.166 đồng. Do đó, cần sửa phần tiền lãi cho đúng với thực tế mà bị đơn còn thiếu của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Do phần tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn bị điều chỉnh nên phần án phí cũng phải điều chỉnh theo. Số tiền gốc là 6.050.000.000 đồng + với số tiền lãi là 705.000.166 đồng. Tổng cộng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 6.755.000.166 đồng. Phần án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải nộp là 114.755.000 đồng.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu

[4] Từ những nhận định nêu trên nên có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện kiểm sát nhân dân thành phố C là có căn cứ phù pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc đòi nợ đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1.

2. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Thanh T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền là 6.755.000.166 đồng *(sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, lẻ một trăm sáu mươi sáu đồng).* Trong đó: Nợ gốc là 6.050.000.000 đồng (Sáu tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 705.000.166 đồng (B1 trăm lẻ năm triệu, lẻ một trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà T1 phải nộp số tiền 114.755.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng); Nguyên đơn bà H được nhận lại số tiền 58.826.000 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005316 ngày 07/02/2025.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu. Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002484 ngày 22/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn Lê Thị Thanh T1.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/3/2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND khu vực 4 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trang **Nguyễn Vĩnh Khương** **Mạc Thị Chiên**